

Số: 782/QĐ-ĐLTKV

Hà Nội, ngày 28 tháng 4 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế nội bộ về quản trị
của Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Điện lực - TKV được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 28/4/2021;

Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-ĐHĐCĐ-2021 ngày 28/4/2021 của Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế nội bộ về quản trị của Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký ban hành và thay thế cho Quyết định số 230/QĐ-ĐLTKV ngày 26/02/2016 của Tổng công ty.

Điều 3. Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các Trưởng Phòng của Tổng công ty; Giám đốc các đơn vị trực thuộc Tổng công ty; Người đại diện phần vốn Tổng công ty tại các công ty con chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- HĐQT, Đảng ủy, BKS (e-copy);
- Như Điều 3 (e-copy);
- Lưu: VT, PCTT, Thư ký HĐQT.

TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Trọng Hùng

Hà Nội, ngày 28 tháng 4 năm 2021

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY

(Ban hành theo Quyết định số /QĐ-ĐLTKV ngày 28/4/2021
của Hội đồng quản trị Tổng công ty Điện lực - TKV)

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Tổng công ty Điện lực TKV được Đại hội đồng cổ đông thông qua 28 tháng 4 năm 2021;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 06/NQ-DHĐCD-2021 ngày 28 tháng 04 năm 2021,

Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP bao gồm các nội dung sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng:

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc; trình tự thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và những người liên quan.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ:

1. Chữ viết tắt:

- a. "Tổng công ty": Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP;
- b. "ĐHĐCD": Đại hội đồng cổ đông;
- c. "HĐQT": Hội đồng quản trị;
- d. "BKS": Ban Kiểm soát;
- e. "TGD": Tổng giám đốc.

2. Những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a. Quản trị Tổng công ty là hệ thống các nguyên tắc bao gồm:

- Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý;
- Đảm bảo hiệu quả hoạt động của HĐQT, BKS;
- Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan;
- Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông;
- Công khai minh bạch mọi hoạt động của Tổng công ty.

b. “Công ty đại chúng” là công ty cổ phần được quy định tại Khoản 1 Điều 32 Luật Chứng khoán.

c. “Người nội bộ” là người giữ vị trí quan trọng trong bộ máy quản lý điều hành của Tổng công ty. Người nội bộ của Tổng công ty là Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và cá nhân giữ chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm; Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát; Thư ký Tổng công ty, Người phụ trách quản trị Tổng công ty, người được ủy quyền công bố thông tin.

d. Người có liên quan là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.

e. Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những cán bộ quản lý khác được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

f. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập là thành viên quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 và khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp.

g. “Người điều hành doanh nghiệp” là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Tổng công ty.

h. Người phụ trách quản trị Tổng công ty là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 281 Nghị định 155/2020/NĐ-CP và Điều 32 Điều lệ Tổng công ty;

3. Trong quy chế này, bất kỳ một tham chiếu nào tới bất kỳ một điều khoản hoặc văn bản nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng. Trường hợp các văn bản pháp quy điều chỉnh các nội dung liên quan đến Quy chế này bị sửa đổi, bổ sung, thay thế thì những nội dung liên quan trong Quy chế này sẽ được thực hiện theo nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế của văn bản pháp quy đó. Đại hội đồng cổ đông lần gần nhất sau đó phải sửa lại Quy chế này cho phù hợp.

4. Trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định về quản trị công ty khác với quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 thì áp dụng quy định của pháp luật chuyên ngành.

Điều 3. Đại hội đồng cổ đông:

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông:

1.1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Tổng công ty và gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết. ĐHĐCĐ thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần và phải họp trong thời hạn bốn (04) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trừ trường hợp Điều lệ Tổng công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm. ĐHĐCĐ thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

1.2. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông:

- a. Thông qua định hướng phát triển của Tổng công ty;
- b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty;
- e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty;
- g. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- h. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- i. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Tổng công ty và cổ đông Tổng công ty;
- k. Quyết định tổ chức lại, giải thể Tổng công ty;
- l. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- m. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- n. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Tổng công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết
- o. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Trình tự, thủ tục về họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ bao gồm các nội dung chính sau đây:

2.1. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông:

- a. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên:

Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. ĐHĐCĐ thường niên quyết định những vấn đề được luật pháp và Điều lệ Tổng công ty quy định, đặc biệt các cổ đông sẽ thông

qua các báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Tổng công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Tổng công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp nhận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty dự họp ĐHĐCĐ Tổng công ty và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham gia dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Tổng công ty để giải thích các nội dung liên quan.

b. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường:

b1. Hội đồng quản trị triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

- Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty;
- Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

b2. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong vòng 30 ngày kể từ ngày số thành viên HĐQT, thành viên HĐQT độc lập, thành viên BKS bị giảm quá 1/3 so với số quy định trong Điều lệ, hoặc nhận được yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp hoặc theo yêu cầu của BKS.

Trường hợp HĐQT không triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ theo quy định thì Chủ tịch HĐQT, các thành viên HĐQT phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Tổng công ty.

b3. Trường hợp HĐQT không triệu tập cuộc họp như quy định tại Điểm b2 Khoản 2.1 Điều này, thì trong vòng 30 ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát phải thay thế HĐQT triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 3, Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ như quy định thì Trường Ban kiểm soát, các thành viên phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Tổng công ty (nếu có).

b4. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b3, Khoản 2.1 Điều này, thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, những cổ đông hoặc một nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp có quyền đại diện Tổng công ty triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

2.2. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp:

a. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Tổng công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.

b. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.

c. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi thông tin sai lệch hoặc bổ sung thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Người quản lý công ty phải cung cấp kịp thời thông tin trong sổ đăng ký cổ đông, sửa đổi, bổ sung thông tin sai lệch theo yêu cầu của cổ đông; chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời, không chính xác thông tin sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu. Trình tự, thủ tục yêu cầu cung cấp thông tin trong sổ đăng ký cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty.

2.3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông:

Tổng công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về việc chốt danh sách cổ đông để họp Đại hội đồng cổ đông thường niên tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng với các thông tin sau: "Tên cổ phần, loại cổ phần, mệnh giá, lý do và mục đích tổ chức ĐHĐCĐ, thời gian dự kiến, ngày chốt danh sách và địa chỉ để các cổ đông liên lạc".

2.4. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông:

a. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi Thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.

b. Thông báo mời họp được gửi bằng phương thức để đảm bảo đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin điện tử (website) của Tổng công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (tính từ ngày mà Giấy mời được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).

c. Thông báo mời họp phải đăng trên trang thông tin điện tử (website) của Tổng công ty và phải kèm theo các tài liệu sau đây:

- Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;

- **Phiếu biểu quyết.**

Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông thì Thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận.

2.5. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông

a. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải lập chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông, chuẩn bị tài liệu, xác định thời gian và địa điểm Đại hội, lập dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp.

b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ năm phần trăm (5%) trở lên tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị, đề xuất phải bằng văn bản và được gửi đến Tổng công ty chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội. Kiến nghị, đề xuất phải ghi rõ tên cổ đông, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức, số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.

c. Trường hợp Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị, đề xuất quy định tại Điểm b, Khoản 2.5 Điều này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- Kiến nghị, đề xuất được gửi đến không đúng quy định tại Điểm b, Khoản 2.5 Điều này;

- Vào thời điểm kiến nghị, đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất năm phần trăm (5%) cổ phần phổ thông;

- Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua.

- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

d. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị, đề xuất tại Điểm b Khoản 2.5 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp bị từ chối theo như nội dung Điểm c Khoản 2.5 Điều này. Kiến nghị, đề xuất được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

2.6. Việc ủy quyền cho người tham dự Đại hội đồng cổ đông:

a. Cổ đông là cá nhân, người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức trực tiếp hoặc uỷ quyền bằng văn bản cho một người khác dự họp ĐHĐCĐ. Trường hợp cổ đông là tổ chức không có người đại diện theo uỷ quyền theo quy định tại Điểm d Khoản 2.6 Điều này thì uỷ quyền người khác dự họp ĐHĐCĐ. Đại diện được uỷ quyền không nhất thiết phải là cổ đông.

b. Việc chỉ định đại diện được ủy quyền phải được lập bằng văn bản theo mẫu của Tổng công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

b1. Trường hợp cổ đông là cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

b2. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;

b3. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp; Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

c. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của giấy ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Tổng công ty).

d. Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo ủy quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của pháp luật; trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo ủy quyền phải được thông báo bằng văn bản đến Tổng công ty trong thời hạn sớm nhất. Thông báo phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số và ngày quyết định thành lập hoặc ngày được cấp Giấy đăng ký doanh nghiệp của cổ đông;
- Số lượng cổ phần, loại cổ phần và ngày đăng ký cổ đông tại Tổng công ty;
- Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện theo ủy quyền;
- Số cổ phần được ủy quyền đại diện;
- Thời hạn đại diện theo ủy quyền;
- Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo ủy quyền và người đại diện theo pháp luật của cổ đông.

e. Trừ trường hợp quy định tại Điểm c Khoản 2.6 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- Người ủy quyền đã bị chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền;

Tuy nhiên, quy định này sẽ không áp dụng nếu Tổng công ty nhận được thông báo bằng văn bản về một trong các trường hợp nêu trên trước giờ khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

g. Trường hợp cổ phần được chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập xong danh sách cổ đông đến ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ thì người nhận chuyển nhượng có quyền dự họp ĐHĐCĐ thay thế cho người chuyển nhượng đối với số cổ phần đã chuyển nhượng.

h. Người đại diện theo ủy quyền phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;
- Không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp;
- Thành viên, cổ đông nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ không được cử vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của người quản lý và của người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý Tổng công ty làm người đại diện theo ủy quyền tại công ty khác;

i. Trách nhiệm của người đại diện theo ủy quyền cho tổ chức, cá nhân thực hiện theo quy định của Pháp luật, Điều lệ và Quy chế quản lý của tổ chức cử người đại diện theo ủy quyền, hoặc theo yêu cầu của cá nhân ủy quyền.

2.7. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông:

a. Trước khi khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Tổng công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông dự họp và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết. Thời gian thực hiện việc đăng ký do HĐQT quyết định.

b. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Tổng công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông hoặc họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.

c. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không được dừng cuộc họp Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của các nội dung biểu quyết đã tiến hành trước đó không thay đổi.

2.8. Điều kiện tiến hành:

a. Cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

b. Trường hợp ĐHĐCĐ lần thứ nhất không có đủ số lượng đại biểu cần thiết theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này, thì trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. ĐHĐCĐ phải được triệu tập họp lần thứ hai trong vòng ba mươi ngày kể từ ngày dự định tổ chức ĐHĐCĐ lần thứ nhất. ĐHĐCĐ triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

c. Trường hợp ĐHĐCĐ lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết theo quy định tại Điểm b Khoản 2.8 Điều này thì trong vòng 30 (ba mươi) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ hai, cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày dự định tiến hành cuộc họp ĐHĐCĐ lần hai, và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ nhất dự kiến phê chuẩn.

d. Chỉ có ĐHĐCĐ có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Khoản 2.4 và 2.5, Điều này.

2.9. Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông:

Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

- Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.

2.10. Cách thức bỏ phiếu

a. Cổ đông hoặc người được uỷ quyền dự họp có quyền tham gia biểu quyết. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình.

- Cổ đông phổ thông tham dự, phát biểu trong các Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

- Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi biểu quyết (cổ phần ưu đãi biểu quyết là cổ phần có số phiếu biểu quyết nhiều hơn so với cổ phần phổ thông. Số phiếu biểu quyết của một cổ phần ưu đãi biểu quyết do Điều lệ Tổng công ty quy định) được quyền biểu quyết về các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông với số phiếu biểu quyết theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty.

- Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức không có quyền biểu quyết, dự họp Đại hội đồng cổ đông, đề cử người vào HĐQT và BKS.

- Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi hoàn lại không có quyền biểu quyết, dự họp Đại hội đồng cổ đông, đề cử người vào HĐQT và BKS.

b. Khi tiến hành biểu quyết tại Đại hội, việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó;

c. Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT và BKS phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT hoặc BKS và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

- d. Cổ đông không được tham gia biểu quyết trong các trường hợp sau đây:
- Cổ đông có ký các hợp đồng quy định tại Điều lệ Tổng công ty.
 - Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó.

2.11. Cách thức kiểm phiếu:

a. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào Ban kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

b. Sau khi thu thẻ biểu quyết tán thành và biểu quyết không tán thành Nghị quyết, Ban kiểm phiếu tập hợp và đếm tổng số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến để quyết định.

c. Trường hợp đối với những vấn đề nhạy cảm và nếu cổ đông có yêu cầu thì Tổng công ty phải chỉ định tổ chức trung lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu. Tổ chức trung lập có thể là Tổng công ty, Thành viên lưu ký chứng khoán hiện đang ký hợp đồng tư vấn, bảo lãnh chứng khoán với Tổng công ty hoặc đại diện của Sở Kế hoạch - Đầu tư Thành phố Hà Nội.

2.12. Điều kiện để Nghị quyết được thông qua:

a. Nghị quyết về các nội dung sau đây được thông qua khi có từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông có mặt trực tiếp hoặc đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông tán thành:

(i) Loại cổ phần và tổng số cổ phần được chào bán của từng loại;

(ii) Thay đổi ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh;

(iii) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Tổng công ty về mô hình hoạt động và Người đại diện theo pháp luật quy định tại Điều 137 Luật Doanh nghiệp;

(iv) Quyết định đầu tư, bán tài sản của Tổng công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua do Tổng công ty hoặc chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;

(v) Quyết định việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác với tổng giá trị góp vốn, mua cổ phần từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;

(vi) Các hình thức tổ chức lại, giải thể, phá sản Tổng công ty;

(vii) Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Tổng công ty.

b. Nghị quyết về các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông (trừ các nội dung quy định tại Điểm a Khoản 2.12 Điều này) được thông qua khi có trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông tán thành.

c. Các quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông với số cổ đông trực tiếp và ủy quyền tham dự đại diện một trăm phần trăm (100%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ

tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng như quy định.

2.13. Thông báo kết quả kiểm phiếu:

- a. Kết quả kiểm phiếu được Chủ toạ công bố ngay trước khi kết thúc cuộc họp.
- b. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;
 - Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
 - Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.
- c. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được công bố trên Website của Tổng công ty trong thời hạn hai tư (24) giờ, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.

2.14. Cách thức phản đối Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (Điều 132 Luật Doanh nghiệp):

a. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản, thành viên HĐQT, TGD, BKS, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp hoặc Điều 12 Điều lệ Tổng công ty có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty trừ trường hợp các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết;
- Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Tổng công ty.

Trường hợp Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ theo quyết định của Toà án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.

b. Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại Tổng công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Tổng công ty có quyền yêu cầu Tổng công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Tổng công ty mua lại. Yêu cầu

phải được gửi đến Tổng công ty trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.

2.15. Lập Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông:

a. Ngay khi Đại hội bắt đầu diễn ra, người chủ trì Đại hội yêu cầu Thư ký tiến hành ghi chép và lập Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông theo đúng nội dung diễn ra trong cuộc họp.

b. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và phải có các nội dung theo quy định tại Khoản 1 Điều 150 Luật Doanh nghiệp, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội, Thư ký và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.

c. Chủ tọa và Thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung Biên bản, chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.

d. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

2.16. Công bố Nghị quyết/ Quyết định Đại hội đồng cổ đông:

a. Nghị quyết/ Quyết định của Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Tổng công ty trong thời hạn 24 giờ kể từ ngày bế mạc cuộc họp.

b. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông qua.

Việc gửi thông báo nghị quyết đến các cổ đông có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Tổng công ty. Tổng công ty phải công bố thông tin bất thường trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ trên các phương tiện như trang thông tin điện tử và các ấn phẩm khác của Tổng công ty và các phương tiện thông tin đại chúng khác, kể từ khi thông qua các quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

3. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản bao gồm các thủ tục sau đây:

3.1. Các trường hợp được và không được lấy ý kiến bằng văn bản:

HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHCĐ bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty (trừ các nội dung quy định tại Khoản 2, Điều 21 Điều lệ phải được biểu quyết thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông). Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đối với các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

- a. Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Tổng công ty;
- b. Định hướng phát triển Tổng công ty (kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn);
- c. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên HĐQT, Ban kiểm soát;

đ. Quyết định đầu tư, bán tài sản của Tổng công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua do Tổng công ty hoặc chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;

e. Quyết định việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác với tổng giá trị vốn góp, mua cổ phần từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;

g. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán;

h. Tổ chức lại, giải thể, phá sản Tổng công ty; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Tổng công ty.

3.2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua hình thức lấy ý kiến bằng văn bản:

a. HĐQT phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. HĐQT phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.

b. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

(i) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

(ii) Mục đích lấy ý kiến;

(iii) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý cá nhân của cổ đông là cá nhân; tên, mã doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

(iv) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;

(v) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

(vi) Thời hạn phải gửi về Tổng công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

(vii) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT;

c. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã được trả lời đến Tổng công ty theo một trong các hình thức sau đây:

(i) Trường hợp gửi thư: Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

(ii) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

(iii) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

d. HĐQT tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Tổng công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

(i) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

(ii) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;

(iii) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

(iv) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

(v) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

(vi) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu;

Các thành viên HĐQT, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu, phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

đ. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết tán thành ngoại trừ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành.

e. Biên bản kết quả kiểm phiếu và Nghị quyết phải được công bố trên website của Tổng công ty trong vòng 24 giờ, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.

g. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

h. Nghị quyết, quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết, quyết định được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

4. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến, bao gồm các nội dung chính như sau:

4.1. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến: Áp dụng Khoản 2.4 Điều này.

4.2. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến:

a. Tổng công ty sẽ công bố đường link và các tài liệu hướng dẫn cụ thể để Cổ đông đăng ký thông tin và xác nhận tư cách Cổ đông trước khi tham dự họp ĐHĐCĐ. Việc công bố đường link và các tài liệu hướng dẫn sẽ được thực hiện trên website của Tổng công ty tại địa chỉ: <https://www.dienluctkv.vn>.

b. Cổ đông truy cập vào đường link đã được Tổng công ty công bố để thực hiện khai báo tư cách Cổ đông và đăng ký tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ.

c. Cổ đông thực hiện khai báo chính xác các thông tin sau: Họ và tên Cổ đông, Số đăng ký sở hữu (do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp và có thể hiện trên thư mời họp ĐHĐCĐ mà Tổng công ty đã gửi đến Cổ đông), ngày cấp số đăng ký sở hữu.

d. Sau khi khai báo đầy đủ và chính xác các thông tin trên, Tổng công ty sẽ thực hiện kiểm tra tư cách của Cổ đông. Trường hợp Cổ đông có tư cách tham dự hợp lệ, Tổng công ty sẽ cung cấp cho Cổ đông một đường link để Cổ đông truy cập vào Hệ thống để tham dự họp ĐHĐCĐ.

e. Cổ đông được xem là tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau:

- Trường hợp Cổ đông thực hiện bỏ phiếu từ xa: Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử phải được gửi đến địa chỉ email: bankiemphieu@vinacominpower.vn, hoặc gửi qua số Fax: (+84 24) 35161610 hoặc gửi bằng thư bảo đảm về Tổng công ty theo hướng dẫn.

- Trường hợp Cổ đông truy cập vào Hệ thống để tham dự, theo dõi và thảo luận các vấn đề của cuộc họp ĐHĐCĐ: Cổ đông thực hiện đăng ký thông tin và xác nhận tư cách cổ đông trên Hệ thống.

g. Ban kiểm tra tư cách cổ đông căn cứ vào (i) số lượng Cổ đông gửi Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu cử về Tổng công ty trước thời gian khai mạc Đại hội và (ii) số lượng Cổ đông thực hiện đăng nhập thành công vào Hệ thống trong khoảng thời gian trước thời gian khai mạc Đại hội, để làm cơ sở xác định tổng số Cổ đông tham dự họp ĐHĐCĐ. Trường hợp Cổ đông vừa gửi Phiếu biểu quyết về Tổng công ty đồng thời đăng ký tham dự họp ĐHĐCĐ bằng cách đăng nhập vào Hệ thống thì Ban kiểm tra tư cách cổ đông sẽ chỉ căn cứ vào việc Cổ đông gửi Phiếu biểu quyết/Phiếu bầu cử để tính số lượng Cổ đông tham dự.

4.3. Việc ủy quyền cho người tham dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến: Áp dụng Khoản 2.6 Điều này.

4.4. Điều kiện tiến hành

Cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số Cổ đông đăng ký dự họp đại diện cho ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng công ty (theo danh sách ngày đăng ký cuối cùng do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cung cấp).

4.5. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trực tuyến:

- Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

- Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.

4.6. Cách thức bỏ phiếu trực tuyến:

a. Cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết thực hiện quyền biểu quyết và bầu cử tại cuộc họp ĐHĐCĐ thông qua cách thức Bỏ phiếu từ xa theo quy định tại Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông của Tổng công ty.

b. Các Cổ đông/Người được ủy quyền thực hiện quyền biểu quyết và bầu cử thông qua các Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử được gửi bởi Tổng công ty cho Cổ đông.

c. Việc bỏ phiếu từ xa được thực hiện theo trình tự sau:

c1. Tổng công ty sẽ gửi Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử cho Cổ đông.

c2. Mỗi Cổ đông sẽ được cung cấp một mã số và được thể hiện trên Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử. Mã này sẽ được mã hóa (QR Code) để đảm bảo tính duy nhất của Cổ đông đó.

c3. Sau khi nhận Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử, Cổ đông thực hiện việc biểu quyết, bầu cử theo hướng dẫn tại Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông của Tổng công ty.

c4. Cổ đông gửi Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử đã biểu quyết, bầu cử theo hướng dẫn tại Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông của Tổng công ty này vào địa chỉ email: bankiemphieu@vinacominpowers.com.vn, hoặc gửi qua số Fax: (+84 24 35161610 hoặc gửi bằng thư bảo đảm về Tổng công ty, trước thời điểm khai mạc Đại hội.

c5. Việc gửi bằng thư bảo đảm được thực hiện như sau: Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu cử được bỏ trong một phong bì dán kín có niêm phong ghi rõ thông tin người gửi và người nhận, với thông tin người nhận như sau:

- Thông tin biểu quyết và bầu cử sẽ được bảo mật cho đến khi cuộc họp ĐHĐCĐ thực hiện việc kiểm phiếu.

- Tại thời điểm bắt đầu đăng ký, kiểm tra tư cách cổ đông tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ, Ban tổ chức sẽ mở Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử của Cổ đông để kiểm tra tính hợp lệ về tư cách Cổ đông. Đối với các Cổ đông đáp ứng về tư cách hợp lệ, Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử của các Cổ đông bỏ phiếu từ xa sẽ được bỏ vào thùng phiếu.

d. Các quy định chi tiết liên quan đến việc biểu quyết và bầu cử được nêu tại Phụ lục - Quy chế biểu quyết và bầu cử đính kèm theo Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông của Tổng công ty.

4.7. Cách thức kiểm phiếu trực tuyến:

Áp dụng công nghệ thông tin trong kiểm phiếu: Đảm bảo tính chính xác, kịp thời trong việc ghi nhận, tổng hợp thông tin, số liệu và tạo sự thuận tiện cho các

Cổ đông thì việc thực hiện ghi nhận đăng ký tham dự, ghi nhận ý kiến biểu quyết, bầu cử và tổng hợp thông tin, số liệu sẽ được thông qua hệ thống máy tính và phần mềm được thiết kế phù hợp với các nguyên tắc biểu quyết và bầu cử.

4.8. Thông báo kết quả kiểm phiếu: Áp dụng Khoản 2.13 Điều này.

4.9. Lập Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông: Áp dụng Khoản 2.15 Điều này.

4.10. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông: Áp dụng Khoản 2.16 Điều này.

5. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến, bao gồm các nội dung chính như sau:

5.1. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.

5.2. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông.

5.3. Việc ủy quyền cho người tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.

5.4. Điều kiện tiến hành.

5.5. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

5.6. Cách thức bỏ phiếu.

5.7. Cách thức kiểm phiếu.

5.8. Thông báo kết quả kiểm phiếu.

5.9. Lập Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.

5.10. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Trình tự, thủ tục cụ thể của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến sẽ được Tổng công ty công bố và hướng dẫn theo Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông.

6. Các vấn đề khác:

a. Người chủ trì ĐHĐCĐ chịu trách nhiệm tổ chức chỉ đạo lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

b. HĐQT sắp xếp chương trình nghị sự của ĐHĐCĐ một cách hợp lý, bố trí thời gian hợp lý để thảo luận và biểu quyết từng vấn đề trong chương trình họp Đại hội đồng cổ đông.

c. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, các bản ghi chép, số chữ ký của các cổ đông dự họp, văn bản ủy quyền tham dự, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

d. Cổ đông có quyền tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua người ủy quyền vào các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông có thể ủy quyền cho HĐQT hoặc các tổ chức lưu ký làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông.

Trường hợp tổ chức lưu ký được cổ đông uỷ quyền làm đại diện, tổ chức lưu ký phải công khai nội dung được uỷ quyền biểu quyết. Tổng công ty phải hướng dẫn thủ tục uỷ quyền và lập giấy uỷ quyền cho các cổ đông theo quy định.

d. Kiểm toán viên hoặc đại diện Công ty kiểm toán có thể được mời dự họp Đại hội đồng cổ đông để phát biểu ý kiến tại Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề kiểm toán.

e. Nhằm tăng cường hiệu quả của các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Tổng công ty phải cố gắng tối đa trong việc áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham gia vào các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách tốt nhất.

g. Hằng năm Tổng công ty phải tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Việc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

Điều 4. Hội đồng quản trị:

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị:

1.1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý của Tổng công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng công ty để thực hiện quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ.

1.2. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp, Điều lệ Tổng công ty, Đại hội đồng cổ đông và các quy chế nội bộ của Tổng công ty quy định. Cụ thể, HĐQT có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Tổng công ty;

c. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

d. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

e. Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước; Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Tổng công ty;

f. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

g. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

h. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

i. Chấp thuận các hợp đồng và giao dịch được ký giữa Tổng công ty và những đối tượng quy định tại Khoản 1, Điều 167 Luật Doanh nghiệp có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ hợp đồng và giao dịch thuộc thẩm quyền

của Đại hội đồng cổ đông. Người đại diện Tổng công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho các thành viên HĐQT, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. HĐQT quyết định việc chấp thuận hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên HĐQT có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.

j. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác của Tổng công ty hoặc chi nhánh của Tổng công ty thực hiện có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán của Tổng công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 138, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

k. Quyết định hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 10% tổng giá trị tài sản của Tổng công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa Tổng công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

l. Quyết định đầu tư, bán tài sản của Tổng công ty có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;

m. Quyết định việc góp vốn, mua cổ phần, chuyển nhượng cổ phần của doanh nghiệp khác với tổng giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;

n. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ Tổng công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó. Tuy nhiên, việc bãi nhiệm các chức danh cán bộ quản lý, cán bộ điều hành Tổng công ty không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có).

o. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty;

p. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

q. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

r. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

s. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

t. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Tổng công ty; yêu cầu phá sản Tổng công ty;

u. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của Tổng công ty;

v. Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách hoặc vượt quá giá trị kế hoạch; hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hằng năm;

w. Quyền được cung cấp thông tin của HĐQT:

- Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong Tổng công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Tổng công ty và của đơn vị trong Tổng công ty.

- Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ Tổng công ty quy định.

x. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

1.3. HĐQT phải báo cáo ĐHCĐ về hoạt động của mình theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

1.4. HĐQT có thể ủy quyền cho viên chức cấp dưới và các cán bộ quản lý, điều hành đại diện xử lý công việc thay mặt cho Tổng công ty, trừ khi luật pháp có quy định khác.

1.5. Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, HĐQT tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và quyết định của ĐHCĐ. Trong trường hợp quyết định do HĐQT thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Tổng công ty gây thiệt hại cho Tổng công ty thì các thành viên HĐQT chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Tổng công ty; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm.

2. Để cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên HĐQT bao gồm các nội dung chính sau đây:

2.1. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị:

a. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 (năm) người do ĐHCĐ bầu và bãi miễn.

b. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá (năm) 5 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm

thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Tổng công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ HĐQT. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi HĐQT mới được bầu và tiếp quản công việc.

2.2. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị:

a. Cơ cấu HĐQT

- Số thành viên HĐQT độc lập hoặc không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên HĐQT. Số lượng tối thiểu thành viên HĐQT độc lập/ không điều hành được xác định theo phương thức làm tròn xuống.

- Cơ cấu Hội đồng quản trị đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Tổng công ty và có xét yếu tố về giới tính

b. Tiêu chuẩn thành viên HĐQT

Thành viên HĐQT phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a. Không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp.

b. Thành viên HĐQT có thể không phải là cổ đông của Tổng công ty. Điều lệ Tổng công ty có thể quy định tiêu chuẩn của thành viên HĐQT nhưng các tiêu chuẩn đó không được vi phạm các quyền cơ bản của cổ đông.

c. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Tổng công ty hoặc tiêu chuẩn, điều kiện khác quy định tại Điều lệ Tổng công ty.

d. Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.

e. Thành viên HĐQT của Tổng công ty không được đồng thời là thành viên HĐQT của trên năm (05) công ty khác.

2.3. Đề cử, ứng cử thành viên HĐQT

a. Giới thiệu, đề cử vào HĐQT.

Các cổ đông nắm giữ số cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên HĐQT. Cụ thể như sau:

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ mười phần trăm (10%) đến dưới hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) thành viên;

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ hai mươi phần trăm (20%) đến dưới năm mươi phần trăm (50%) được đề cử hai (02) thành viên;

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ năm mươi phần trăm (50%) đến dưới sáu mươi lăm phần trăm (65%) được đề cử ba (03) thành viên;

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

b. Trường hợp số lượng các ứng cử viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty, HĐQT đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Tổng công ty quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

2.4. Cách thức bầu thành viên HĐQT

a. Việc bầu thành viên HĐQT được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

b. Trường hợp bầu lần thứ nhất không đủ số lượng thành viên HĐQT theo quy định thì phải tiến hành bầu tiếp lần hai trong số những người đã được đề cử của lần thứ nhất còn lại. Trường hợp khi bầu lần thứ hai vẫn chưa đủ số lượng quy định thì ĐHĐCĐ quyết định có bầu tiếp hay không, nếu ĐHĐCĐ không quyết định được thì Chủ tọa Đại hội quyết định.

c. Những người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp có từ 02 (hai) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.

d. Tổng công ty quy định và hướng dẫn cụ thể cho cổ đông việc bỏ phiếu bầu thành viên HĐQT theo phương thức dồn phiếu.

2.5. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm và bãi nhiệm Thành viên HĐQT trong các trường hợp sau đây:

a. Không đủ tư cách làm thành viên HĐQT nữa theo quy định tại Điều 155 Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm làm thành viên HĐQT;

b. Gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Tổng công ty;

c. Bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự;

d. Vắng mặt, không tham dự các cuộc họp của HĐQT liên tục trong vòng 6 tháng mà không có sự cho phép của HĐQT và HĐQT đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống, trừ trường hợp bất khả kháng;

e. Bị bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên HĐQT theo quyết định của ĐHĐCĐ;

f. Không còn là đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức theo quyết định của tổ chức đó;

g. Là đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức, nhưng tổ chức đó không còn là cổ đông của Tổng công ty nữa;

h. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

i. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Tổng công ty với tư cách là ứng viên HĐQT;

j. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2.6. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

a. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên HĐQT được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên HĐQT. Thông tin liên quan đến ứng viên HĐQT được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- Họ tên, ngày tháng năm sinh;
- Trình độ chuyên môn;
- Quá trình công tác;
- Các chức danh quản lý khác (Bao gồm chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Tổng công ty trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên HĐQT của Tổng công ty;
- Các lợi ích có liên quan tới Tổng công ty (nếu có);
- Họ, tên của Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- Các thông tin khác nếu có.

b. Kết quả việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT phải được thông báo theo phương thức công bố thông tin trong vòng hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi xảy ra sự kiện theo quy định của Luật Chứng khoán và thị trường chứng khoán.

c. Việc thông báo được thực hiện trên trang thông tin điện tử www.dienluockv.vn của Tổng công ty, hoặc trên các ấn phẩm của Tổng công ty đồng thời phải thông báo cho UBCKNN, Sở GDCK, Trung tâm GDCK.

2.7. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên HĐQT.

Trường hợp đã xác định được trước các ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên HĐQT được công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên

này trước khi bỏ phiếu. Các ứng viên HĐQT có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ của thành viên HĐQT một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên HĐQT. Thông tin liên quan đến ứng viên HĐQT được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- (i) Họ tên, ngày tháng năm sinh;
- (ii) Trình độ chuyên môn;
- (iii) Quá trình công tác;
- (iv) Các chức danh quản lý khác (Bao gồm chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- (v) Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Tổng công ty, trong trường hợp ứng viên đó đang là thành viên HĐQT của Tổng công ty;
- (vi) Các lợi ích liên quan đến Tổng công ty (nếu có);
- (vii) Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- (viii) Các thông tin khác (nếu có).

2.8. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch HĐQT

a. Chủ tịch hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên HĐQT.

b. Chủ tịch HĐQT Tổng công ty không được kiêm Tổng giám đốc.

c. Chủ tịch HĐQT có thể bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT.

- Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn.

- Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

d. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

- Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.

3. Thù lao và lợi ích khác của thành viên HĐQT:

3.1. Tổng công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

3.2. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị được trả theo quy định sau đây:

a. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng.

- Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên;

- Thành viên HĐQT nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch HĐQT), hoặc thành viên HĐQT làm việc tại các tiểu ban của HĐQT (nếu có), hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên HĐQT, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của HĐQT.

b. Thành viên HĐQT có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên HĐQT của mình, kể cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của HĐQT, hoặc các tiểu ban của HĐQT hoặc ĐHCĐ;

c. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Tổng công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Tổng công ty

3.3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị:

4.1. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

4.2. Các trường hợp phải triệu tập họp HĐQT bất thường.

a. Chủ tịch hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

- Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
- Có yêu cầu của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty;
- Các trường hợp khác do Điều lệ Tổng công ty quy định.

b. Đề nghị quy định tại Điểm a nêu trên phải được lập thành văn bản, trong đó quy định rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

c. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại Điểm a nêu trên. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Tổng công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

4.3. Thông báo họp HĐQT

a. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp HĐQT phải gửi thông báo mời họp cho các thành viên HĐQT và BKS ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp đồng thời có thể gửi Tổng giám đốc (trong trường hợp Tổng giám đốc không phải là thành viên HĐQT). Các thành viên HĐQT có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên HĐQT đó.

b. Thông báo mời họp phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình nghị sự, thời gian, địa điểm họp, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp, phiếu biểu quyết của thành viên và các phiếu bầu cho những thành viên HĐQT không thể dự họp.

c. Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên HĐQT và BKS được đăng ký tại Tổng công ty.

4.4. Chủ tịch HĐQT hoặc Người triệu tập gửi thông báo và tài liệu kèm theo đến các thành viên BKS, TGD không phải là thành viên HĐQT như đối với các thành viên HĐQT.

4.5. Điều kiện tổ chức họp HĐQT:

a. Cuộc họp bầu Chủ tịch:

Trường hợp HĐQT bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ HĐQT để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một người trong số họ triệu tập họp HĐQT.

b. Các cuộc họp thường kỳ.

Chủ tịch HĐQT phải triệu tập các cuộc họp HĐQT, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất bảy (07) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một (01) lần.

c. Họp trên điện thoại hoặc các hình thức khác

Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

(i) Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

(ii) Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc thảo luận, trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ Tổng công ty, Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó.

d. Những người được mời họp dự thính:

Người phụ trách quản trị (Thư ký), HĐQT, Tổng giám đốc, các thành viên BKS, những cán bộ quản lý khác (nếu không phải là thành viên HĐQT) và các chuyên gia của một bên thứ ba có thể dự họp HĐQT theo lời mời của Hội đồng quản trị nhưng không được biểu quyết trừ khi bản thân họ có quyền được biểu quyết như thành viên HĐQT.

e. Địa điểm họp: Các cuộc họp HĐQT sẽ được tiến hành ở trụ sở chính của Tổng công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam theo quyết định của Chủ tịch HĐQT và sự nhất trí của HĐQT.

g. Số thành viên tham dự tối thiểu.

(i) Cuộc họp của Hội đồng quản trị theo giấy triệu tập lần thứ nhất được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp hoặc thông qua người đại diện (người được uỷ quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

(ii) Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định Mục (i) Điểm g nêu trên không đủ số thành viên dự họp theo quy định, thì cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trong trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên HĐQT dự họp;

(iii) Nếu không đủ số lượng thành viên như vậy thì cuộc họp HĐQT sẽ được tổ chức lại lần thứ ba vào ngày làm việc tiếp theo tại cùng một địa điểm và cùng thời gian, khi đó cuộc họp HĐQT luôn là hợp lệ mà không phụ thuộc vào số lượng thành viên HĐQT dự họp.

h. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT.

4.6. Cách thức biểu quyết:

a. Trừ quy định tại Điểm b Khoản này, mỗi thành viên HĐQT hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp HĐQT sẽ có một phiếu biểu quyết;

b. Thành viên HĐQT không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Tổng công ty. Một thành viên Hội đồng sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp HĐQT về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại Điểm d Khoản 12 Điều 30 của Điều lệ Tổng công ty, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của HĐQT liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên HĐQT hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên HĐQT đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới Chủ tọa cuộc họp và phán quyết của Chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên HĐQT khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên HĐQT liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d. Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản. Phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất một (01) giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

4.7. Cách thức thông qua nghị quyết của HĐQT:

a. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

b. Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên HĐQT tham dự cuộc họp này.

c. Nghị quyết bằng văn bản có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên HĐQT thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ. Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó có ít nhất một chữ ký của thành viên. Nghị quyết bằng văn bản phải có chữ ký của tất cả những thành viên HĐQT sau đây:

- Thành viên có quyền biểu quyết về nghị quyết tại cuộc họp HĐQT;
- Số lượng thành viên có mặt không thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định để tiến hành họp HĐQT.

4.8. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên HĐQT

Thành viên HĐQT được ủy quyền cho người khác tham dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận. Việc ủy quyền phải được lập thành văn bản và có chữ ký của người ủy quyền.

4.9. Lập biên bản họp HĐQT

a. Các cuộc họp của HĐQT phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể cả bằng tiếng nước ngoài có giá trị pháp lý ngang nhau và phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- (i) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- (ii) Thời gian, địa điểm họp Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- (iii) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- (iv) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- (v) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- (vi) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- (vii) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- (viii) Các quyết định đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- (ix) Họ, tên, chữ ký của Chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại Khoản 4.10 Điều này.

b. Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm gửi biên bản họp HĐQT cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi đi và phải có chữ ký của tất cả các thành viên HĐQT tham dự cuộc họp.

c. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

d. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

e. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4.10. Trường hợp Chủ tọa hoặc Thư ký từ chối ký Biên bản họp HĐQT

Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy

đủ nội dung theo quy định tại các mục (i), (ii), (iii), (iv), (v), (vi), (vii) và (viii) của Điểm a Khoản 4.9 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

4.11. Thông báo nghị quyết, quyết định của HĐQT

Nghị quyết của HĐQT phải được thông báo trong nội bộ Tổng công ty, các bên liên quan theo qui định Điều lệ Tổng công ty; Đồng thời phải thực hiện công bố thông tin đối với các nội dung nghị quyết phù hợp theo quy định của Luật Chứng khoán và thị trường chứng khoán về công bố thông tin.

5. Các tiểu ban của HĐQT (nếu có):

a. HĐQT quy định chi tiết về việc thành lập tiểu ban, trách nhiệm của từng tiểu ban, trách nhiệm của từng thành viên tiểu ban, cụ thể HĐQT có thể thành lập các tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro. Thành viên của tiểu ban có ít nhất ba (03) người, bao gồm thành viên của HĐQT và thành viên bên ngoài theo Quyết định của Hội đồng quản trị. Các thành viên HĐQT không Điều hành chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của HĐQT. Hoạt động của các tiểu ban phải tuân thủ các quy định của HĐQT. Nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên HĐQT.

b. Việc thực thi quyết định của HĐQT, hoặc của tiểu ban trực thuộc HĐQT, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban HĐQT phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định Điều lệ Tổng công ty, Quy chế quản trị nội bộ Tổng công ty.

6. Lựa chọn bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Tổng công ty:

6.1. HĐQT chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị Tổng công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Tổng công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Người phụ trách quản trị Tổng công ty kiêm nhiệm làm Thư ký Tổng công ty theo quy định tại Khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Tổng công ty do HĐQT quyết định, tối đa là năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại.

6.2. Người phụ trách quản trị Tổng công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

- a. Có hiểu biết về Pháp luật;
- b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty
- c. Am hiểu hoạt động kinh doanh và quản trị nội bộ của Tổng công ty; có khả năng tổng hợp, sử dụng thành thạo tin học, và các thiết bị văn phòng.
- d. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của Pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và quyết định của HĐQT.

6.3. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Tổng công ty:

HDQT có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Tổng công ty khi cần nhưng không trái với các quy định của pháp luật hiện hành về lao động. HDQT có thể bổ nhiệm trợ lý Người phụ trách quản trị Tổng công ty tùy từng thời điểm.

6.4. Người phụ trách quản trị Tổng công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Tư vấn HDQT trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Tổng công ty và cổ đông.
- b. Chuẩn bị các cuộc họp HDQT, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của HDQT hoặc Ban kiểm soát;
- c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d. Tham dự các cuộc họp;
- e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của HDQT phù hợp với quy định của pháp luật;
- g. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp HDQT và các thông tin khác cho thành viên của HDQT và BKS;
- h. Giám sát và báo cáo HDQT, Ban Kiểm soát về hoạt động công bố thông tin của Tổng công ty;
- i. Bảo mật thông tin theo các quy định của Pháp luật và Điều lệ Tổng công ty;
- k. Được hưởng thù lao (phụ cấp) theo Quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty và/hoặc theo quyết định của Hội đồng quản trị.
- l. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

6.5. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Tổng công ty:

Thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Tổng công ty theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty và quy định của pháp luật và Luật chứng khoán.

Điều 5. Ban kiểm soát:

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên BKS:

1.1. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

- a. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Tổng công ty.
- b. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- c. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Tổng công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại

hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

d. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Tổng công ty.

e. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của Tổng công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp.

g. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

h. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

i. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

k. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Tổng công ty.

l. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Tổng công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

m. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

n. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

1.2. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

a. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên BKS cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

a1. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;

a2. Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

a3. Báo cáo của Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác

do Tổng công ty phát hành.

b. Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Tổng công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Tổng công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Tổng công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát.

1.3. Trách nhiệm của Ban kiểm soát

a. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Tổng công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

b. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Tổng công ty.

c. Trung thành với lợi ích của Tổng công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Tổng công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

d. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.

e. Trường hợp vi phạm quy định tại các Điểm a, b, c và d Khoản 1.3 Điều này mà gây thiệt hại cho Tổng công ty hoặc người khác thì BKS phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà BKS có được do vi phạm phải hoàn trả cho Tổng công ty.

g. Trường hợp phát hiện có BKS vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

2. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát bao gồm các nội dung chính sau đây:

2.1. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần

a. Ban kiểm soát có 03 thành viên. Nhiệm kỳ của BKS không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

b. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên BKS; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ Tổng công ty quy định. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên BKS thường trú tại Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, trừ trường hợp Điều lệ Tổng công ty có quy định tiêu chuẩn khác cao hơn.

c. Trường hợp BKS có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà BKS nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì BKS đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi BKS nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ

2.2. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban kiểm soát:

a. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

b. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;

c. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác, người quản lý công ty mẹ, người đại diện phần vốn của Tổng công ty, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Tổng công ty;

d. Không phải là người quản lý Tổng công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Tổng công ty, trừ trường hợp Điều lệ Tổng công ty có quy định khác;

e. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Tổng công ty.

2.3. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

a. Giới thiệu, đề cử vào Ban kiểm soát.

Các cổ đông nắm giữ số cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết có thể gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% trở lên đề cử tối đa ba (03) ứng viên.

b. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Tổng công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty. Thủ tục và cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

2.4. Cách thức bầu Ban kiểm soát:

a. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

b. Việc biểu quyết bầu BKS phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu hoặc đại diện nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

c. Những người trúng cử BKS được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban

kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.

d. Trường hợp bầu lần thứ nhất không đủ số lượng BKS theo quy định thì phải tiến hành bầu tiếp lần hai trong số những người đã được đề cử của lần thứ nhất còn lại. Trường hợp khi bầu lần thứ hai vẫn chưa đủ số lượng quy định thì Đại hội đồng cổ đông quyết định có bầu tiếp hay không, nếu Đại hội đồng cổ đông không quyết định được thì chủ tọa Đại hội quyết định.

2.5. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm BKS:

a. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm BKS trong trường hợp sau đây:

a1. Thành viên đó bị pháp luật cấm làm BKS hoặc không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm BKS theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp.

a2. Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính Tổng công ty và được chấp thuận.

a3. Không còn là đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức theo quyết định của tổ chức đó.

a4. Là đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức, nhưng tổ chức đó không còn là cổ đông của Tổng công ty nữa

a5. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi dân sự.

a6. Các trường hợp khác do Điều lệ Tổng công ty quy định.

b. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên BKS trong trường hợp sau đây:

b1. Thành viên đó không thực hiện nghĩa vụ của mình, vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu (6) tháng liên tục, và trong thời gian này Ban kiểm soát không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống, trừ trường hợp bất khả kháng.

b2. Thành viên đó bị miễn nhiệm BKS theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông do không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công.

b3. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của BKS theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.

b4. Các trường hợp khác theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

2.6. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm BKS:

a. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Ban kiểm soát được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được

bầu làm thành viên BKS. Thông tin liên quan đến ứng viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- Họ tên, ngày tháng năm sinh;
- Trình độ học vấn;
- Trình độ chuyên môn;
- Quá trình công tác;
- Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên BKS và các chức danh quản lý khác;
- Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Tổng công ty trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên BKS của Tổng công ty;
- Các lợi ích có liên quan tới Tổng công ty (nếu có);
- Họ, tên của Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- Các thông tin khác nếu có.

b. Tổng công ty công bố thông tin (thông báo) trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi Tổng công ty thay đổi, bầu, bầu lại, miễn nhiệm thành viên BKS trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty. Trong vòng ba (03) ngày làm việc kể từ ngày công bố thông tin trên, Tổng công ty gửi cho UBCKNN, Sở GDCKHN (HNX) bản cung cấp thông tin của thành viên BKS mới (nếu có).

2.7. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát

a. Thành viên BKS được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát;

b. Thành viên BKS được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác;

c. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty.

Điều 6. Tổng giám đốc:

1. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc:

1.1. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

1.2. Tổng giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty, hợp đồng lao động ký với Tổng công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định tại khoản này mà gây thiệt hại cho Tổng công ty thì Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Tổng công ty.

1.3. Quyền và nghĩa vụ:

a. Quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty thuộc thẩm quyền hoặc các vấn đề không cần phải có sự thông qua, nghị quyết, quyết định của HĐQT; thay mặt Tổng công ty ký kết các hợp đồng và giao dịch tài chính và thương mại theo thẩm quyền hoặc các hợp đồng, giao dịch đã được HĐQT, Đại hội đồng cổ đông thông qua theo quy định của Điều lệ Tổng công ty;

b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định, kế hoạch sản xuất kinh doanh hằng năm do HĐQT và ĐHĐCĐ phê duyệt;

c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Tổng công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua;

d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty;

e. Đề nghị HĐQT quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức hoặc ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, cho nghỉ chế độ, quyết định mức lương của Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng Tổng công ty; trình HĐQT thông qua việc bổ nhiệm Giám đốc đơn vị trực thuộc, Trưởng phòng/ban Tổng công ty và các chức danh khác theo quy chế quản lý cán bộ trong Tổng công ty; đề nghị cử, bãi miễn người đại diện quản lý phần vốn của Tổng công ty đầu tư ở doanh nghiệp khác;

g. Tham khảo ý kiến HĐQT để quyết định số lượng lao động của Tổng công ty; Tuyển dụng lao động; Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật, xếp lương, cho nghỉ chế độ đối với các chức danh quản lý, cán bộ, nhân viên trong Tổng công ty không thuộc diện phải trình HĐQT phê chuẩn (đối với những chức danh cần phải được sự thông qua của HĐQT thì chỉ được quyết định sau khi đã báo cáo và được HĐQT thông qua).

h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh; đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Tổng công ty;

i. Đề nghị HĐQT quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện của Tổng công ty, góp vốn mua cổ phần của doanh nghiệp khác; Đề nghị phê duyệt các Quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty. Đề nghị thông qua đề xuất việc tổ chức lại, chia tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Tổng công ty, đề xuất Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty để Đại hội đồng cổ đông thông qua theo thẩm quyền;

k. Xây dựng và trình HĐQT dự thảo chiến lược phát triển, kế hoạch phát triển ngắn hạn, trung hạn, kế hoạch kinh doanh hằng năm, các dự án đầu tư, các quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty để trình HĐQT;

l. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hằng năm và hằng quý của Tổng công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hằng năm và hằng quý của Tổng công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hằng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để HĐQT thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Tổng công ty;

m. Chậm nhất vào ngày 31 tháng 10 hằng năm, Tổng giám đốc phải trình HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu kinh doanh và phù hợp với kế hoạch tài chính năm (05) năm;

n. Có quyền từ chối thực hiện những quyết định của Chủ tịch HĐQT hay thành viên HĐQT nếu thấy trái pháp luật, trái Điều lệ Tổng công ty hoặc trái với nghị quyết của ĐHĐCĐ; đồng thời phải có trách nhiệm thông báo ngay bằng văn bản cho Ban kiểm soát;

o. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ Tổng công ty và các quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty, các nghị quyết của HĐQT, hợp đồng lao động của Tổng giám đốc và pháp luật;

p. Được quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong những trường hợp khẩn cấp như thiên tai, hoả hoạn, sự cố bất khả kháng và chịu trách nhiệm về các quyết định này, đồng thời báo cáo ngay cho HĐQT;

q. Thực hiện trách nhiệm của Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty quy định tại Điều 12 Luật Doanh nghiệp;

1.5. Trong quan hệ với Công ty con do Công ty mẹ nắm giữ cổ phần, vốn góp chi phối, Tổng giám đốc có trách nhiệm:

a. Tiếp nhận, kiểm tra, thẩm định các hồ sơ do Người đại diện theo ủy quyền báo cáo HĐQT xem xét, thông qua hoặc quyết định;

b. Tổ chức thực hiện việc theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, giám sát Người đại diện theo ủy quyền thực hiện các quyết định của HĐQT đối với Tổng công ty;

c. Kiểm tra, đôn đốc, giám sát việc thực hiện kế hoạch phối hợp sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

2. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng với Tổng giám đốc:

2.1. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng giám đốc

a. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại không quá 02 nhiệm kỳ. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại Hợp đồng lao động (nếu có).

b. Tổng giám đốc phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
- Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ;
- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty.

2.2. Ứng cử, đề cử, miễn nhiệm và bãi nhiệm Tổng giám đốc

- a. Hội đồng quản trị bầu một thành viên HĐQT giữ chức danh Tổng giám đốc.
- b. Tổng giám đốc do HĐQT bổ nhiệm, miễn nhiệm và bãi nhiệm.

2.3. Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động với Tổng giám đốc:

a. Bổ nhiệm:

HĐQT bổ nhiệm một thành viên trong HĐQT hoặc một người khác làm Tổng giám đốc và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan. Thông tin về tiền lương, thù lao và lợi ích khác của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại ĐHĐCĐ thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Tổng công ty.

b. Ký hợp đồng lao động với Tổng giám đốc:

Sau khi bổ nhiệm Tổng giám đốc điều hành, HĐQT sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng của Tổng giám đốc.

2.4. Miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng giám đốc:

a. HĐQT có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc điều hành khi có từ đa số (trên 50%) thành viên HĐQT dự họp có quyền biểu quyết tán thành (trong trường hợp này không tính biểu quyết của Tổng giám đốc điều hành) và bổ nhiệm một Tổng giám đốc điều hành mới thay thế. Tổng giám đốc bị miễn nhiệm có quyền phản đối việc miễn nhiệm này tại Đại hội cổ đông tiếp theo gần nhất.

b. Từ nhiệm hoặc mất tư cách đối với chức danh Tổng giám đốc điều hành

(i) Tổng giám đốc mất tư cách khi bị chết, mất trí, mất quyền công dân hoặc tự ý bỏ nhiệm sở ba (03) ngày trở lên. Trong trường hợp này, HĐQT phải tạm cử người thay thế không quá ba mươi (30) ngày và tiến hành các thủ tục bổ nhiệm Tổng giám đốc mới;

(ii) Khi muốn từ nhiệm, Tổng giám đốc phải có đơn gửi HĐQT. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày nhận đơn, HĐQT phải xem xét và quyết định.

2.5. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng giám đốc:

Sau khi có quyết định bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm Tổng công ty phải công bố thông tin trong nội bộ Tổng công ty và cho các cơ quan hữu quan trên trang thông tin điện tử www.dienluockv.vn của Tổng công ty theo quy định của Luật Chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2.6. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc

Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng

giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

Tiền lương của Tổng giám đốc được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 7. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT, BKS và Tổng giám đốc:

Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa HĐQT, BKS và TGD bao gồm các nội dung sau:

1. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, BKS và TGD:

a. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp được thực hiện theo như nội dung tại Khoản 4 Điều 4 của Quy chế này.

b. Việc ghi biên bản họp HĐQT được thực hiện theo như nội dung tại Khoản 4.9 Điều 4 của Quy chế này.

c. Kết quả họp giữa HĐQT, BKS và TGD phải được lập thành văn bản và thông báo trong nội bộ Tổng công ty.

d. Các bản sao các biên bản họp HĐQT sẽ phải được cung cấp cho BKS vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho các thành viên HĐQT.

e. Báo cáo của TGD trình HĐQT hoặc tài liệu khác do Tổng công ty phát hành được gửi đến Trưởng Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.

2. Thông báo nghị quyết của HĐQT cho Ban BKS, Tổng giám đốc:

Bản sao các văn bản nghị quyết của HĐQT sẽ phải được cung cấp cho BKS và Tổng giám đốc vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho các thành viên HĐQT, chậm nhất là năm (05) ngày làm việc sau khi cuộc họp kết thúc.

3. Các trường hợp Tổng giám đốc điều hành và đa số thành viên BKS đề nghị triệu tập họp HĐQT và những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT:

3.1. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT bất thường, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:

- Tổng giám đốc điều hành;
- Đa số thành viên BKS.

3.2. Các cuộc họp HĐQT bất thường nêu trên phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch HĐQT không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Tổng công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập ở trên có thể tự mình triệu tập họp HĐQT.

3.3. Thành viên BKS, Tổng giám đốc không phải là thành viên HĐQT, có quyền dự các cuộc họp của HĐQT; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

3.4. Những vấn đề Tổng giám đốc điều hành có thể xin ý kiến hoặc đề xuất HĐQT như sau:

a. Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ điều hành mà Tổng công ty cần thuê để HĐQT bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động cũng như các cơ cấu quản lý tốt do HĐQT đề xuất, và tư vấn đề HĐQT quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ điều hành;

b. Tham khảo ý kiến của HĐQT để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

c. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Tổng công ty;

3.5. Những vấn đề BKS có thể xin ý kiến hoặc đề xuất HĐQT như sau:

a. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;

b. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban điều hành Tổng công ty;

c. Xem xét báo cáo của Tổng công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi HĐQT chấp thuận;

d. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban điều hành.

3.6. Báo cáo của Tổng giám đốc với HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao:

a. Tổng giám đốc có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản cho HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao theo định kỳ hằng quý, sáu tháng và năm hoặc khi có yêu cầu của HĐQT.

b. Nội dung các vấn đề báo cáo như: kết quả thực hiện các nghị quyết của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông; kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Tổng công ty; nội dung các hợp đồng tài chính và thương mại đã được ký kết; tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Tổng công ty; kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo; việc thực thi kế hoạch kinh doanh hằng năm đã được Đại hội đồng cổ đông và HĐQT thông qua; các bản dự toán dài hạn, hằng năm và hằng tháng của Tổng công ty.

c. Tổng giám đốc điều hành chịu trách nhiệm trước HĐQT và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.

3.7. Kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Tổng giám đốc:

a. Theo định kỳ hằng quý, sáu tháng, một năm Tổng giám đốc phải tổ chức họp Ban Tổng giám đốc để kiểm điểm, đánh giá việc thực hiện Nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Ban điều hành.

b. Biên bản họp phải được lưu trữ, làm cơ sở trích dẫn, đưa thông tin vào các báo cáo của Ban điều hành.

3.8. Các vấn đề Tổng giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT, BKS.

a. Những vấn đề Tổng giám đốc điều hành báo cáo HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao như sau:

(i) Thực hiện các nghị quyết của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Tổng công ty đã được HĐQT và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

(ii) Quyết định tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền không cần phải có nghị quyết của HĐQT bao gồm việc thay mặt Tổng công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Tổng công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

(iii) Vào ngày 31 tháng 10 hằng năm, Tổng giám đốc điều hành phải trình HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu kinh doanh và phù hợp với kế hoạch tài chính năm năm.

(iv) Thực thi kế hoạch kinh doanh hằng năm được Đại hội đồng cổ đông và HĐQT thông qua;

(v) Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hằng năm và hằng tháng của Tổng công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hằng năm và hằng tháng của Tổng công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hằng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để HĐQT thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Tổng công ty.

b. Tất cả báo cáo, thông tin đều được thực hiện bằng văn bản, do Tổng giám đốc trực tiếp chuyển đến HĐQT và BKS.

3.9. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT, các thành viên BKS và Tổng giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nói trên.

a. Các thành viên HĐQT, BKS, Tổng giám đốc sẽ thường xuyên trao đổi công việc và cung cấp thông tin qua lại trên tinh thần hợp tác, hỗ trợ, tạo thuận lợi cho nhau làm việc theo đúng Điều lệ Tổng công ty, quy chế làm việc và kế hoạch hành động chung.

b. Các thành viên HĐQT, BKS, Tổng giám đốc sẽ không can thiệp vào công việc điều hành theo hệ thống chức năng nhiệm vụ của mỗi tổ chức.

c. Trong trường hợp cấp bách, các thành viên HĐQT, BKS, Tổng giám đốc có thể thông tin ngay bằng điện thoại hoặc gặp gỡ trực tiếp để giải quyết công việc một cách kịp thời và hiệu quả.

Điều 8. Quy định về đánh giá hằng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng giám đốc và các cán bộ điều hành:

1. Các tiêu chuẩn đánh giá:

1.1. Đối với thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và các cán bộ điều hành

a. Khả năng và kết quả thực hiện quyền và trách nhiệm của HĐQT, Tổng giám đốc và các cán bộ điều hành được quy định tại Điều lệ Tổng công ty và nhiệm vụ của từng thành viên HĐQT được quy định cụ thể tại các quyết định của Chủ tịch HĐQT về việc phân công nhiệm vụ cho từng thành viên.

b. Số lần tổ chức họp HĐQT trong năm và tỷ lệ (%) số lần thành viên HĐQT tham gia dự họp.

1.2. Đối với BKS

a. Khả năng và kết quả thực hiện quyền và trách nhiệm của BKS được quy định tại Điều lệ Tổng công ty và nhiệm vụ của từng thành viên BKS được quy định cụ thể tại các quyết định phân công nhiệm vụ cho từng thành viên của Trường BKS.

b. Số lần tổ chức họp BKS trong năm và tỷ lệ (%) số lần thành viên BKS tham gia dự họp.

2. Hệ thống khen thưởng và kỷ luật:

2.1. Đối với thành viên HĐQT

Thành viên HĐQT (không tính các đại diện được uỷ quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên HĐQT. Tổng mức thù lao cho HĐQT sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên HĐQT theo thoả thuận trong HĐQT hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.

2.2. Đối với Tổng giám đốc

HĐQT quyết định mức lương, tiền thù lao, tiền thưởng, lợi ích và các điều khoản khác đối với Tổng giám đốc điều hành. Trường hợp phát hiện Tổng giám đốc vi phạm nghĩa vụ trong thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao thì HĐQT phải thông báo bằng văn bản đến Tổng giám đốc và yêu cầu Tổng giám đốc chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

2.3. Đối với thành viên BKS

Trường hợp phát hiện có thành viên BKS vi phạm nghĩa vụ trong thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao thì HĐQT phải thông báo bằng văn bản đến BKS; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

3. Bộ máy đánh giá, khen thưởng và kỷ luật:

Quy định bộ máy đánh giá, khen thưởng và kỷ luật tương ứng với cơ cấu tổ chức quản lý Tổng công ty, cụ thể như sau:

a. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Tổng công ty. Đại hội đồng cổ đông thực hiện quyền và nhiệm vụ được quy định cụ thể tại Điều 15 của Điều lệ Tổng công ty.

b. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Tổng công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị thực hiện quyền và nhiệm vụ được quy định cụ thể tại Điều lệ Tổng công ty.

c. Tổng giám đốc điều hành là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty; chịu sự giám sát của HĐQT và chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Tổng giám đốc điều hành thực hiện quyền và nhiệm vụ được quy định cụ thể tại Khoản 5 Điều 35 của Điều lệ Tổng công ty.

d. Ban kiểm soát là cơ quan thực hiện giám sát HĐQT, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Tổng công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao. BKS thực hiện quyền và nhiệm vụ được quy định cụ thể tại Khoản 1 Điều 39 Điều lệ Tổng công ty.

4. Tổ chức thực hiện:

HĐQT, Tổng giám đốc, BKS, các cán bộ điều hành trong Tổng công ty, các cổ đông và những người có liên quan của Tổng công ty tổ chức thực hiện đúng và đầy đủ nội dung quy định về đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên HĐQT, thành viên BKS và Tổng giám đốc.

Điều 9. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi:

1. Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 164 Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích Tổng công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Tổng công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Tổng công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty;

5. Thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng và tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện giao dịch có liên quan.

6. Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng giám đốc và cán bộ điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT tất cả lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Tổng công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

7. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Tổng công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng giám đốc, cán bộ điều hành khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân nào mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty cùng Tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm Công ty mẹ - Công ty con, Tập đoàn kinh tế và Pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

8. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Tổng công ty với một hoặc nhiều thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng giám đốc, người điều hành khác, hoặc cá nhân, tổ chức liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng giám đốc, cán bộ điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo HĐQT và được HĐQT thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên HĐQT không có lợi ích liên quan;

b) Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% hoặc giao dịch dẫn đến giao dịch trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch có giá trị từ 20% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó và được ĐHĐCĐ thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích có liên quan.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của

Tổng công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua hoặc phê chuẩn.

Điều 10. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường:

1. Trách nhiệm về thiệt hại:

Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Bồi thường:

Tổng công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Tổng công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên HĐQT, người điều hành, nhân viên hoặc là đại diện được Tổng công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Tổng công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Tổng công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Tổng công ty, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên BKS, cán bộ điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Tổng công ty được Tổng công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Tổng công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Tổng công ty;

b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Tổng công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

Điều 11. Bổ sung và sửa đổi Quy chế:

1. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này phải được ĐHCĐ xem xét quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Tổng công ty chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Tổng công ty.

Điều 12. Hiệu lực thi hành:

Bản Quy chế này gồm 12 Điều, được ĐHCĐ Tổng công ty nhất trí thông qua ngày 28 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Quy chế này. *ana*

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Nguyễn Trọng Hùng

